

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ GẠO  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 215/2019/DS-ST  
Ngày:05/8/2019  
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Vũ Hoài Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Đoàn Thanh Phong;

2/ Ông Đặng Phước Lung.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo:* Không tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2019/TLST-DS ngày 09/01/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2019/QĐXXST-DS ngày 22/5/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 166/2019/QĐST-DS ngày 07/6/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 195/2019/QĐST-DS ngày 27/6/2019; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 212/2019/QĐST-DS ngày 11/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 222/2019/QĐST-DS ngày 16/7/2019; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị M, sinh năm 1968.

Địa chỉ: ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:*

1. Chị Đinh Thị Thanh L, sinh năm: 1971 (vắng mặt).

2. Anh Phạm Văn D, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/12/2018, tại bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Bùi Thị M trình bày: Vào khoảng năm 2016

đến năm 2018, Chị có cho anh D và chị L vay nhiều lần tiền với số tiền tổng cộng là 477.000.000đồng, với lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, cụ thể:

Ngày 26/10/2016(AL), anh D và chị L vay số tiền là 23.000.000 đồng; Ngày 25/03/2017 (AL), anh D và chị L vay số tiền là 54.000.000 đồng; Ngày 26/5/2017(AL), anh D và chị L vay số tiền là 60.000.000đồng; Ngày 26/12/2017(AL), anh D và chị L vay số tiền là 300.000.000 đồng và ngày 15/8/2018(AL), anh D và chị L vay số tiền là 40.000.000 đồng. Khi vay tiền, thì chị L có ký biên nhận cho Chị và hứa mỗi tháng trả từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000đồng. Mục đích vay là để anh D và chị L làm vốn làm ăn, trang trải gia đình và làm vốn trồng thanh long. Lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng nhưng đến nay vợ chồng chị L và anh D không trả khoản tiền lãi nào cho Chị và nay Chị yêu cầu lãi suất là 0,83%/tháng, cụ thể:

Khoản vay ngày 26/10/2016(AL), 23.000.000đồng x 0,83%/tháng x 30 tháng, thành tiền là 5.727.000đồng;

Khoản vay ngày 25/3/2017(AL), 54.000.000đồng x 0,83%/tháng x 25 tháng, thành tiền là 11.205.000đồng;

Khoản vay ngày 26/5/2017(AL), 60.000.000đồng x 0,83%/tháng x 24 tháng, thành tiền là 11.727.000đồng;

Khoản vay ngày 26/12/2017(AL), 300.000.000đồng x 0,83%/tháng x 16 tháng, thành tiền là 39.840.000đồng;

Khoản vay ngày 15/8/2018(AL), 40.000.000đồng x 0,83%/tháng x 08 tháng, thành tiền là 2.656.000đồng.

Tổng số tiền lãi cho 05 khoản vay là 71.380.000đồng.

Do đó, nay Chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh D và chị L phải trả số tiền nợ gốc và lãi tổng cộng là 548.380.000đồng, trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

\* Phần trình bày ý kiến của bị đơn là chị Đinh Thị Thanh L: Chị thừa nhận, Chị có mượn tiền của phía chị M để trang trải gia đình. Khi Chị mượn nợ, Chị có viết biên nhận nợ cho phía chị M, chữ ký trong các biên nhận nợ do phía chị M cung cấp cho Tòa án là chữ ký của Chị. Đối với các biên nhận nợ mà chị M căn cứ làm cơ sở khởi kiện là do Chị ký và viết ra nhưng tất cả các biên nhận nợ này Chị đã thanh toán xong cho chị M nhưng khi tất toán Chị không thu hồi lại các biên nhận nợ. Nay phía chị M khởi kiện đòi Chị số tiền nợ là 548.380.000đồng, chị không đồng ý trả mà Chị chỉ đồng ý trả số tiền nợ là 220.000.000đồng và xin trả dần mỗi tháng là 5.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ.

\* Phần trình bày ý kiến của bị đơn anh Phạm Văn D: Tòa án không thu thập được tài liệu, chứng cứ từ phía anh D.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị M có đơn khởi kiện đối với chị L và anh D. Chị L và anh D có địa chỉ tại địa bàn huyện C nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị M khởi kiện chị L và anh D để tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Căn cứ vào Điều 463 Bộ Luật dân sự nên quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

[3]. Về yêu cầu đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị M, Hội đồng xét xử nhận định: Giao dịch vay tiền giữa chị M và chị L, anh D là có thật. Chị M căn cứ vào 05 biên nhận nợ để khởi kiện và 05 biên nhận nợ này đã được chị L thừa nhận nên chị M đã có đủ cơ sở chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình.

Đối với chị L, Chị thừa nhận các biên nhận nợ và cho rằng Chị đã trả nợ xong nhưng Chị không cung cấp được tài liệu, chứng cứ cho rằng mình đã trả nợ xong.

[4]. Về nghĩa vụ trả nợ: Hội đồng xét xử nhận thấy, Chị L và anh D là vợ chồng, chị L mượn nợ để trang trải gia đình, sử dụng tiền mượn để phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình. Chị L nợ trong thời kỳ hôn nhân. Đối với anh D, anh là chồng chị L, chị L vay nợ nhằm mục đích phục vụ cho gia đình và từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử sơ thẩm, anh D không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị M và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có lý do, xem như anh từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình nên mặc nhiên anh D thừa nhận yêu cầu khởi kiện của chị M. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần buộc anh D có trách nhiệm trả nợ cùng chị L.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị M là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Đối với anh D và chị L, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng anh D và chị L vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh D và chị L.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của chị M được chấp nhận nên chị M được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Chị L và anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 5; Điều 227; Điều 264; Điều 266; Điều 267; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 463 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

### **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị M .

Buộc chị Đinh Thị Thanh L và anh Phạm Văn D có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Bùi Thị M số tiền nợ gốc và lãi là 548.380.000đồng (Năm trăm bốn mươi tám triệu ba trăm tám mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày chị M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị L và anh D chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì hàng tháng chị L và anh D còn phải trả thêm phần tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Về án phí DSST:

2.1. Buộc chị Đinh Thị Thanh L và anh Phạm Văn D phải chịu 25.935.200 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Chị M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 13.709.500 đồng theo biên lai thu tiền số 0015607 ngày 08/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án, riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận :**

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND H.Chợ Gạo;
- Chi cục THADS H.Chợ Gạo;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

Ngô Vũ Hoài Phương